

1. Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì cần có quả thì cần có chính sách đủ mạnh để giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị. Căn cứ Thông báo số 49-KL/TW ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đã quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng chính sách là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trong hệ thống chính trị.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ đã báo cáo Đảng ủy Chính phủ đề báo cáo Bộ Chính trị mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương. Căn cứ Thông báo số 75-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về việc đồng ý mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 nêu trên, trong đó mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng so với Nghị định số 67/2024/NĐ-CP như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh: (1) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (2) Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

- Về đối tượng áp dụng: (1) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và lực lượng vũ trang còn đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; (2) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy; (3) Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Như vậy, chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày

15/3/2025) đã góp phần hoàn thành mục tiêu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm quyền và lợi ích cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Về xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy là những cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện phương án hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, kết thúc hoạt động, tiếp nhận hoặc điều chuyển chức năng nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với yêu cầu của việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là yêu cầu của việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW). Theo đó, việc xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy được hiểu trong các trường hợp sau:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, tiếp nhận hoặc điều chuyển chức năng nhiệm vụ

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ cấu tổ chức bên trong: Đơn vị tổ chức bên trong nào trực tiếp thực hiện phương án hợp nhất, sáp nhập, tiếp nhận (hoặc điều chuyển) chức năng, nhiệm vụ và biên chế được xác định là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy (*Ví dụ 1 ở Phụ lục kèm theo*);

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cơ cấu tổ chức bên trong thực hiện phương án hợp nhất, sáp nhập, tiếp nhận (hoặc điều chuyển) chức năng, nhiệm vụ và biên chế được xác định là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

b) Các tổ chức có tổ chức lại về mô hình tổ chức hoạt động

- Các cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lại thành đầu mối thuộc Bộ (bao gồm các đơn vị thuộc hệ thống ngành dọc); các Tổng cục và tương đương thuộc Bộ tổ chức lại thành Cục và tương đương thuộc Bộ; các Cục và tương đương tổ chức lại thành Chi cục và tương đương; Chi cục và tương đương tổ chức lại thành Phòng và tương đương,... được xác định là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công thương được tổ chức lại thành Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang tổ chức theo đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện được tổ chức lại theo khu vực liên tỉnh, liên huyện được xác định đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

c) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị giải thể, kết thúc hoạt động thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nào giải thể, kết thúc hoạt động thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đó được xác định là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

d) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

- Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện hợp nhất, sáp nhập thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp tỉnh thực hiện phương án hợp nhất, sáp nhập được xác định là cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với đơn vị hành chính quyền cấp huyện chấm dứt hoạt động thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện thực hiện phương án giải thể, chấm dứt hoạt động, hợp nhất, sáp nhập được xác định là cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã thực hiện phương án hợp nhất, sáp nhập thì cán bộ, công chức cấp xã là đối tượng chịu tác động trực tiếp của quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

2. Về thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW¹ thì căn cứ Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch (hoặc Đề án tinh giản biên chế) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đã được ban hành, thực trạng số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cùng với lãnh đạo cấp ủy, chính quyền thực hiện việc đánh giá, sàng lọc đưa ra khỏi cơ quan, tổ chức, đơn vị những người không đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để làm căn cứ xác định đối tượng hưởng chính sách, chế độ theo

¹ Khi đánh giá tác động trong quá trình xây dựng chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Bộ Nội vụ đã báo cáo cấp có thẩm quyền dự kiến phương án giảm 20% biên chế (không bao gồm viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học và y tế). Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức không bao gồm viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học và y tế.

quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025).

3. Về đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) được thực hiện thống nhất theo quy định tại Điều 2, không loại trừ những người đã có quyết định nghỉ hưu hoặc đã có thông báo nghỉ hưu.

b) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị khi tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cùng cấp cao hơn so với quy định (trường hợp tổng số lượng cấp phó thấp hơn so với quy định thì cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy không phải là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy).

c) Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP)

- Người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp tổ chức bộ máy và đã có thời gian ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP² trước ngày 15/01/2019 (ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ), được chuyển tiếp ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP³, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP⁴ thì thuộc đối tượng áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025).

- Người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp tổ chức bộ máy và đã có thời gian ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP⁵ trước ngày 15/01/2019 và đã chấm dứt hợp đồng lao động (nghỉ làm việc và không đóng bảo hiểm xã hội trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội); sau đó thực hiện ký hợp đồng lao

² Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

³ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

⁴ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

⁵ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hoặc Nghị định số 111/2022/NĐ-CP sau ngày 15/01/2019 thì không thuộc đối tượng áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

d) Đối với cán bộ cấp huyện thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) thì thời điểm nghỉ việc để hưởng chính sách, chế độ được tính kể từ khi cấp huyện kết thúc hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019- 2021 và giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghỉ việc sau ngày 01/01/2025 thì thuộc đối tượng áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

e) Viên chức và người lao động chịu sự tác động trực tiếp của việc chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy từ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về ngành Công an quản lý nhưng không được Bộ Công an tiếp nhận, không bố trí được công việc khác và có nguyện vọng nghỉ việc thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

g) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Bộ luật Lao động năm 2019), trường hợp có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021) và có đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động, nếu có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì thuộc đối tượng nghỉ hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Bộ luật Lao động năm 2019), không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

h) Đối với người làm việc tại các Hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện

Đối với các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu của việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/CP thì người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

4. Thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy

a) Đối với các tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan, ngang Bộ thì thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy được xác định theo thời điểm có hiệu lực của Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Trường hợp có điều khoản chuyển tiếp thì thực hiện theo điều khoản chuyển tiếp (*Ví dụ 2 ở Phụ lục kèm theo*).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ngoài cơ cấu tổ chức của Bộ thì thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy được xác định theo thời điểm có hiệu lực của Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn đó.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ngoài cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thì thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Về tiền lương tháng hiện hưởng để tính hưởng trợ cấp

a) Tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) và điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025) đã quy định rõ tiền lương hiện hưởng và cách khoản phụ cấp để tính tiền lương tháng hiện hưởng để tính hưởng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP). Theo đó:

- Các khoản phụ cấp khác (phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút, phụ cấp trách nhiệm cấp ủy⁶,

⁶ Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy được áp dụng đối với cấp ủy viên các cấp (Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 26/6/2008 của Ban Bí thư); còn phụ cấp công tác đảng, đoàn thể, chính trị - xã hội được áp dụng đối với

phụ cấp trách nhiệm kế toán trưởng,...) không được tính vào tiền lương tháng hiện hưởng.

- Căn cứ quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và khoản 6 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) thì phụ cấp chức vụ lãnh đạo được bảo lưu được tính vào tiền lương tháng hiện hưởng (Ví dụ 3 ở Phụ lục kèm theo).

b) Đối với các trường hợp nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ ốm đau thì tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề của tháng trước khi nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ ốm đau. Riêng mức lương cơ sở được tính trên mức lương liền kề của tháng trước liền kề tháng nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) (Ví dụ 4 ở Phụ lục kèm theo).

6. Thời điểm tính trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội

Căn cứ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) và Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025) thì đối với những người nghỉ hưu trước tuổi kể từ ngày 01/7/2025 (ngày có hiệu lực của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024) thì hưởng trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội như sau: Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

7. Về tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) đã ban hành nguyên tắc, tiêu chí chung để làm cơ sở áp dụng thống nhất cho các Bộ, ngành, địa phương. Căn cứ đặc điểm tình hình và thực tiễn của từng Bộ, ngành, địa phương, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng tiêu chí riêng để áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Đối với trường hợp có đơn tự nguyện xin nghỉ việc cũng phải thực hiện đánh giá và rà soát theo tiêu chí để xác định đối tượng nghỉ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng từ Trung ương đến cấp huyện và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp huyện (Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban Tổ chức Trung ương)

8. Về giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện phương án giải thể, kết thúc hoạt động

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền được giao tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện phương án giải thể, kết thúc hoạt động và có trách nhiệm xem xét, giải quyết chính sách, chế độ, đảm bảo quyền lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

9. Điều khoản chuyển tiếp

Trong quá trình xây dựng chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Bộ Nội vụ đã báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021 còn chưa giải quyết và khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp. Do vậy, tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) đã quy định các đối tượng này thuộc đối tượng áp dụng. Vì vậy, tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) đã quy định các trường hợp này nếu đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng chưa ban hành quyết định hưởng chính sách hoặc thời điểm nghỉ việc sau ngày 01/01/2025 thì được áp dụng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP)

10. Về nâng lương trước khi nghỉ hưu trước tuổi

Theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức thì trước 06 tháng tính đến ngày công chức, viên chức đủ tuổi nghỉ hưu thì cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có thông báo về thời điểm nghỉ hưu cho công chức, viên chức được biết. Theo đó, chế độ nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi có thông báo nghỉ hưu quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức khi có thông báo nghỉ hưu nêu trên. Vì vậy, đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) không thuộc đối tượng được nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV.

III. TRÁCH NHIỆM TRẢ LỜI, HƯỚNG DẪN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025), Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025) và nội dung hướng dẫn của Văn bản này, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm trả lời, giải đáp và hướng dẫn nội dung chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp; đồng thời, kịp thời trả lời các kiến nghị của người dân gửi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương và cơ quan mình liên quan đến chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg thường trực Chính phủ
Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, TCBC.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Văn bản số 814/BNV-TCBC ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Bộ Nội vụ)

1. Về cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp và không trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy

Ví dụ 1: Bộ Nội vụ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó:

- Một số đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy như: Văn phòng Bộ (hợp nhất Văn phòng của 2 Bộ); Vụ Pháp chế (hợp nhất Vụ Pháp chế của 2 Bộ); Vụ Tổ chức cán bộ (hợp nhất Vụ Tổ chức cán bộ của 2 Bộ)... Một số đơn vị giữ nguyên như: Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Tổ chức Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương,... là đơn vị không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội của Bộ Nội vụ (được thành lập trên cơ sở hợp nhất Cục Lao động - Tiền lương, Vụ Bảo hiểm xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Vụ Tiền lương của Bộ Nội vụ), gồm 5 đơn vị: Văn phòng (giữ nguyên trạng), Phòng Tiền lương (thành lập trên cơ sở hợp nhất Vụ Tiền lương của Bộ Nội vụ và phòng Tiền lương của Cục Lao động - Tiền lương); Phòng Bảo hiểm xã hội (tổ chức lại Vụ Bảo hiểm xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); phòng Quan hệ lao động (giữ nguyên trạng) và Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (giữ nguyên trạng). Theo đó, Phòng Tiền lương, Phòng Bảo hiểm xã hội là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; Văn phòng, Phòng Quan hệ lao động và Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động là đơn vị không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

2. Về thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy

Ví dụ 2: Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/3/2025. Tuy nhiên, tại Điều 4 đã quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật cho đến khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thi hành án dân sự¹ có hiệu lực thi hành. Theo đó, việc giải quyết chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan thi hành án dân sự ở các địa phương theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP sẽ được thực hiện sau khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng,

¹ Tổng cục Thi hành án dân sự được sắp xếp, tổ chức lại thành Cục Quản lý Thi hành án dân sự (Điều 3 Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ).

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành.

3. Về cách tính tiền lương tháng hiện hưởng

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn A, công chức, xếp bậc 4, hệ số lương 5,42 ngạch chuyên viên chính, được hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,4; phụ cấp công vụ 25%, phụ cấp trách nhiệm cấp ủy 0,3; phụ cấp khu vực 0,2. Theo đó, tiền lương tháng hiện hưởng tính chính sách, chế độ của ông A được tính trên cơ sở các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,4; phụ cấp công vụ 25% là **17.023.500 đồng/tháng** (phụ cấp trách nhiệm cấp ủy 0,4, phụ cấp khu vực 0,2 không được tính vào tiền lương tháng hiện hưởng).

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn B, viên chức (xếp bậc 3 hệ số 3,00 ngạch chuyên viên) xin nghỉ việc không hưởng lương từ 01/6/2024 (mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng). Ông B xin thôi việc từ ngày 01/4/2025 do cơ quan trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý. Tiền lương tháng hiện hưởng để tính chính sách, chế độ của ông B được tính trên hệ số lương 3,00 ngạch chuyên viên từ tháng 5/2024, mức lương cơ sở được tính trên mức lương cơ sở của tháng 3/2025 là 2.340.000 đồng/tháng. Theo đó tiền lương tháng hiện hưởng để tính chính sách, chế độ của ông B là **7.020.000 đồng/tháng**.

4. Về cách tính chính sách, chế độ đối với người nghỉ hưu trước tuổi và người nghỉ thôi việc

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn C, công chức ở Sở A, sinh ngày 15/01/1966, có 22 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đã xếp bậc 8 hệ số lương 4,65 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/5/2024 và hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ hệ số 0,6; phụ cấp công vụ 25% (*tiền lương tháng hiện hưởng là 15.356.250 đồng/tháng*). Do cơ quan trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy (từ ngày 01/3/2025) nên ông C tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/5/2025 và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Theo Phụ lục I Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì thời điểm nghỉ hưu của ông C là tháng 11/2027 nên tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi (ngày 01/5/2025), ông C nghỉ hưu trước 02 năm 06 tháng so với quy định.

Ngoài được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, ông C còn được tổng 3 khoản trợ cấp là: **744.788.125 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm: $30 \times 15.356.250 = 460.687.500$ đồng; (2) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm: $2,5 \times 05 \times 15.356.250 = 191.953.125$ đồng; (3) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $06 \times 15.356.250 = 92.137.500$ đồng).

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị D, công chức ở Ban Tổ chức huyện ủy (có 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), sinh ngày 02/9/1975, có 19 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đã xếp bậc 7 hệ số lương 4,32 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/5/2024 và hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp công tác đảng - đoàn thể 30%, phụ cấp công vụ 25% (tiền lương tháng hiện hưởng là 15.668.640 đồng/tháng). Do kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện nên bà D tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết nghỉ hưu trước tuổi kể từ ngày 01/7/2025 (ngày kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện).

Theo Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì thời điểm nghỉ hưu của bà D là 06/2028 nên tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi (ngày 01/7/2025), bà D nghỉ hưu trước 02 năm 11 tháng so với quy định.

Ngoài được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, bà D còn được tổng 3 khoản trợ cấp là **877.443.840 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm: $35 \times 15.668.640 = 548.402.400$ đồng; (2) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm: $03 \times 05 \times 15.668.640 = 235.029.600$ đồng; (3) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $06 \times 15.668.640 = 94.011.840$ đồng).

Ví dụ 7: Ông Nguyễn Văn M, công chức của Vụ thuộc Bộ, có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội là 15 năm, đã xếp bậc 5 hệ số lương 3,66 ngạch chuyên viên và hưởng phụ cấp công vụ 25% (tiền lương tháng hiện hưởng: 10.705.500 đồng/tháng). Do cơ quan sắp xếp tổ chức bộ máy, ông M thuộc đối tượng phải nghỉ việc từ ngày 01/6/2025 và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được tổng số tiền trợ cấp là **786.854.250 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp thôi việc: $60 \times 0,8 \times 10.705.500 = 513.864.000$ đồng; (2) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $15 \times 1,5 \times 10.705.500 = 240.873.750$ đồng; (3) Trợ cấp tìm việc làm: $03 \times 10.705.500 = 32.116.500$ đồng)/.

